

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P T
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 4 năm 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH G L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chất
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2023/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2023, bản tự khai ngày 17/10/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Xuân T bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và cô Lê Thị V qua thời gian tìm hiểu hai năm, được sự cho phép của hai bên gia đình, chúng tôi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L vào ngày 21/3/2007 trên cơ sở tự nguyện. Sống hạnh phúc đến năm 2016 thì giữa tôi và cô V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay tôi không còn tình cảm với cô V nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với cô V.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Phạm Minh Ch, sinh ngày 06/11/2007 và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 24/7/2011.

Hiện các cháu sống với cô V. Ly hôn tôi để cô V nuôi dưỡng các cháu. Tôi cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng/tháng/cháu.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 01/11/2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Lê Thị V trình bày:*

Tôi đồng ý với lời trình bày của anh T về việc chung sống với nhau, ngày tháng năm kết hôn, cơ sở việc kết hôn; tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn phải ra tòa hôm nay không phải như anh T trình bày. Tôi đã có Bản tự khai gửi cho Tòa án, nêu rõ lý do chúng tôi mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do anh T không có lập trường, nghe lời cha mẹ; một phần nguyên nhân phát sinh từ việc mua bán chung đất đai với em vợ; rồi việc anh T chuyển trường được hưởng lương vùng 3, có thu nhập cao hơn. Nay anh T làm đơn khởi kiện ly hôn thì tôi cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Phạm Minh Ch, sinh ngày 06/11/2007 và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 24/7/2011.

Hiện các cháu sống với tôi. Nguyên vọng của các cháu đều được sống với tôi, nên tôi yêu cầu được nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh T; tuy nhiên tôi yêu cầu cấp dưỡng một lần.

- Về tài sản chung: Nếu không thỏa thuận được tôi làm đơn khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho anh Phạm Xuân T và chị Lê Thị V thuận tình ly hôn

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Minh Ch, sinh ngày 06/11/2007 và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 24/7/2011 cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng 2.500.000 đồng, kể từ ngày 05/4/2024 cho đến khi các cháu Phạm Minh Ch và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh thành niên (đủ 18 tuổi).

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc anh Phạm Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị V có nơi cư trú tại tổ dân phố 4, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Xuân T và chị Lê Thị V ký kết hôn ngày 21/3/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2007 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh Phạm Xuân T và chị Lê Thị V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống hai bên không hợp nhau. Nay anh T và chị V đều thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; anh T và chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị V có 02 con chung là Phạm Minh Ch, sinh ngày 06/11/2007 và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 24/7/2011.

Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu; Hiện cả 02 cháu đều sống với chị V được chị V chăm sóc phát triển bình thường; Xét chị V là giáo viên, có nhà ở và công việc ổn định; nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với chị V. Do đó giao cả 02 cháu là Phạm Minh Ch và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị V đều thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu một tháng 2.500.000 đồng, cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Tuy nhiên, chị V yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con một lần; nhưng anh T yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét anh T cũng là giáo viên, thu nhập chính từ nguồn lương; vì vậy, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị V hàng tháng là hợp lý.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân T

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân T và chị Lê Thị V thuận tình ly hôn

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Minh Ch và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng 2.500.000 đồng, kể từ ngày 05/4/2024 cho đến khi các cháu Phạm Minh Ch và Phạm Lê Nguyễn Minh Kh thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Phạm Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung; số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008194, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T, tỉnh G i. Anh Phạm Xuân T còn phải tiếp tục chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P T;
- Chi Cục THS DS huyện P T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh